

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 19/2020/DS-ST

Ngày: 08/4/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nguyên Khoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lâm Hải Trung  
2. Ông Lê Việt Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 08/4/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLST-DS, ngày 25/12/2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-DS, ngày 05/3/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 225A/18, ấp PL A, xã PQ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**2. Bị đơn:** 2.1. Anh **Nguyễn Trí D**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2.2. Chị **Phan Thị Diễm T**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 13A/1, ấp TH, xã HP, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2019 và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn anh Lê Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh Lê Thanh T và anh Nguyễn Trí D quen biết nhau qua việc anh Dũng là thầu xây dựng thường xuyên đến cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng và trang trí nội thất do anh T làm chủ cửa hàng để mua vật liệu xây dựng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 07/3/2019 cho đến ngày 26/4/2019, anh D có mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng Thuận Phát do anh T làm chủ và hai bên chốt số tiền vật tư theo hóa đơn lưu lại tại cửa hàng vào ngày 26/4/2019 như sau:

- + Gạch men kích thước (30cm x 30cm):  $7m^2 \times 120.000đ = 840.000đ$ ;
- + Gạch men kích thước (25cm x 40cm):  $5,5m^2 \times 92.000đ = 506.000đ$ ;
- + Gạch men kích thước (25cm x 40cm):  $16,5m^2 \times 92.000đ = 1.518.000đ$ ;
- + La phong nhựa:  $155m \times 125.000đ = 19.375.000đ$ ;
- + Sơn tường (mã số 605): 03 thùng x  $1.590.000đ = 4.770.000đ$ ;
- + Keo chà ron: 10 bịch x  $20.000đ = 200.000đ$ ;
- + Sơn ngoài (mã số 304) 01 thùng:  $1.220.000đ$ ;
- + Keo chà ron: 05 bịch x  $20.000đ = 100.000đ$ ;
- + Cây lăn:  $15.000đ$ ;
- + Sơn ngoài (mã số 304) 01 lon:  $345.000đ$ ;
- + Lavabo, phụ kiện:  $350.000đ$ ;
- Tổng cộng:  $29.239.000đ$ .

Tại hóa đơn này còn cộng thêm phần nợ cũ là  $4.000.000đ$  (bốn triệu đồng) của các lần mua trước đó. Sau khi chốt hóa đơn, do D không thực hiện trả nợ nên anh T có khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết, khi đó D xin trả dần và đồng thời có trả xong phần nợ cũ là  $4.000.000đ$ . Nhận thấy, anh D và chị Phan Thị Diễm T (là vợ anh D) đều có thiện chí trả nợ nên anh đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi rút đơn khởi kiện cho đến nay thì anh D không thực hiện theo cam kết trả dần.

Vì vậy, anh T yêu cầu vợ chồng Nguyễn Trí D, Phan Thị Diễm T có trách nhiệm liên đới trả cho anh số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu tổng cộng  $29.239.000đ$  (hai mươi chín triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về thủ tục:*

Nguyên đơn Lê Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh và bị đơn Nguyễn Trí D, Phan Thị Diễm T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### *Về nội dung:*

[1] Xét hợp đồng mua bán tài sản là vật liệu xây dựng được giao kết giữa anh Lê Thanh T và anh Nguyễn Trí D được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 07/3/2019 cho đến ngày

26/4/2019, theo đó anh D có cung cấp cho Tòa án hóa đơn mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng Thuận Phát do anh T làm chủ lưu lại đề ngày 26/4/2019 có chữ ký và ghi họ tên khách hàng là Nguyễn Trí D.

Tại hóa đơn thể hiện số lượng, chủng loại và đơn giá như sau:

- + Gạch men kích thước (30cm x 30cm):  $7\text{m}^2 \times 120.000\text{đ} = 840.000\text{đ}$ ;
- + Gạch men kích thước (25cm x 40cm):  $5,5\text{m}^2 \times 92.000\text{đ} = 506.000\text{đ}$ ;
- + Gạch men kích thước (25cm x 40cm):  $16,5\text{m}^2 \times 92.000\text{đ} = 1.518.000\text{đ}$ ;
- + La phong nhựa:  $155\text{m} \times 125.000\text{đ} = 19.375.000\text{đ}$ ;
- + Sơn tường (mã số 605): 03 thùng  $\times 1.590.000\text{đ} = 4.770.000\text{đ}$ ;
- + Keo chà ron: 10 bịch  $\times 20.000\text{đ} = 200.000\text{đ}$ ;
- + Sơn ngoài (mã số 304) 01 thùng: 1.220.000đ;
- + Keo chà ron: 05 bịch  $\times 20.000\text{đ} = 100.000\text{đ}$ ;
- + Cây lăn: 15.000đ;
- + Sơn ngoài (mã số 304) 01 lon: 345.000đ;
- + Lavabo, phụ kiện: 350.000đ;

Tổng cộng số tiền là 29.239.000đ (hai mươi chín triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Trước khi Tòa án thụ lý vụ án, anh T đã gửi đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho anh D, chị T qua đường bưu điện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay. Xét thấy, anh D và chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên cũng đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng anh D và chị T vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Mặt khác, anh T và chị T chưa giao nộp tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh phản bác yêu cầu khởi kiện của anh Tú.

Do đó, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do anh T cung cấp để làm cơ sở pháp lý cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, xét yêu cầu của anh T yêu cầu vợ chồng anh D, chị T có trách nhiệm liên đới trả cho anh T số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu tổng cộng 29.239.000đ (hai mươi chín triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T là buộc anh D và chị T có trách nhiệm liên đới trả cho anh T số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu tổng cộng 29.239.000đ (hai mươi chín triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn đồng).

[2] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thanh T.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Trí D và chị Phan Thị Diễm T có trách nhiệm liên đới trả cho anh T số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu tổng cộng 29.239.000đ (hai mươi chín triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa hoàn trả đủ số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

2.1. Buộc bị đơn Nguyễn Trí D và Phan Thị Diễm T phải nộp 1.461.000đ (một triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho nguyên đơn Lê Thanh T số tiền 730.000đ (bảy trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005458 ngày 25/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Nguyên Khoa**